

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 02-10-2017

“V/v Tranh chấp yêu cầu chia tài sản
chung sau ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đức;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thanh Tâm;

Bà Phan Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 9 và ngày 02 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2017 về “Tranh chấp tài sản chung sau ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Huỳnh C, sinh năm: 1975;

Cư trú tại: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1976;

Cư trú tại: Thôn H, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên; Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn Huỳnh C trình bày: Nguyên đơn và bị đơn Nguyễn Thị Đ tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn năm 1995 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên. Đến năm 2015 do tình trạng hôn nhân đã mâu thuẫn nghiêm trọng nên đã ly hôn theo quyết định số 103/2015/HNGĐ-ST ngày 27/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện T. Quá trình sống chung giữa nguyên đơn và bị đơn có tạo dựng tài sản chung là thửa đất số 833 (7), tờ bản đồ 13-D, diện tích 150m², tọa lạc tại thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên có vị trí Đông giáp đất hộ Lê Thị Xuân Q, Tây giáp đất hộ Huỳnh Ngọc L, Bắc giáp đường quốc lộ 29, Nam giáp ruộng lúa. Nguồn gốc thửa đất là

do nguyên đơn và bị đơn được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, đã được UBND huyện T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD: 196122 ngày 06/4/2006. Vào năm 2015 trong quá trình ly hôn thì giữa nguyên đơn và bị đơn không có yêu cầu phân chia tài sản này. Tuy nhiên, sau ly hôn không thể thỏa thuận phân chia được, nay nguyên đơn yêu cầu phân chia tài sản này, theo kết quả hội đồng định giá đất và tài sản khác gắn liền trên đất gồm nhà cấp 4 và công trình phụ có tổng trị giá là 715.162.000 đồng, nguyên đơn hoàn toàn thống nhất nhưng có nguyện vọng phân chia là ai sở hữu tài sản thì gắn liền trách nhiệm nuôi con Huỳnh Nguyễn Trung N và thối lại cho người kia 200.000.000 đồng. Vì hiện nay nguyên đơn đang nuôi cháu N nên có nguyện vọng được sử dụng ngôi nhà gắn liền quyền sử dụng đất và thối lại cho bị đơn 200.000.000 đồng, đề nghị hội đồng xét xử xem xét.

Tại các bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Thị Đ trình bày: Thống nhất nguồn gốc và đặc điểm tài sản của nguyên đơn yêu cầu phân chia là tài sản chung do nguyên đơn và bị đơn tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân, khi ly hôn chưa chia. Nay nguyên đơn yêu cầu phân chia, bị đơn thống nhất kết quả hội đồng định giá, yêu cầu nguyên đơn có nguyện vọng sử dụng thì thối lại một nửa giá trị tài sản là 357.581.000 đồng cho bị đơn. Nếu nguyên đơn không đồng ý thì bị đơn chấp nhận nuôi cháu Huỳnh Nguyễn Trung N và sở hữu ngôi nhà gắn liền quyền sử dụng đất, tuy nhiên chỉ chấp nhận thối lại cho nguyên đơn 190.000.000 đồng. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không thành.

Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đều tuân theo đúng quy định pháp luật; Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 33, 38 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao nhà và các hạng mục công trình phụ cho nguyên đơn sở hữu, gắn liền quyền sử dụng đất và nguyên đơn có nghĩa vụ trả một nửa giá trị cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về nguồn gốc tài sản đang tranh chấp: Thửa đất số 833 (7), tờ bản đồ 13-D, diện tích 150m², loại đất ở, tọa lạc tại thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên, được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất cho ông Huỳnh C và bà Nguyễn Thị Đ vào năm 2006 theo Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 06/4/2006 của UBND huyện T và đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 196122 ngày 06/4/2006. Hơn nữa ông Huỳnh C kết hôn với bà Nguyễn Thị Đ vào năm 1995, đăng ký tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên, đến năm 2015 thì ly hôn theo quyết định số 103/2015/QĐST-HNGĐ ngày 27/11/2015 của Tòa án nhân dân huyện T, phần tài sản chung chưa chia. Như vậy thửa đất số 833 (7), tờ bản đồ 13-D là tài sản hợp pháp tạo dựng chung trong

thời kỳ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn chưa chia. Qua kết quả định giá thì trên diện tích đất đang tranh chấp còn có 01 ngôi nhà cấp 4, mái lợp ngói, nền gạch camen, và một số công trình phụ khác như nhà vệ sinh, chái tạm được xây dựng kiên cố trên tổng diện tích 150m² đất ở, có tổng giá trị tài sản là 715.162.000 đồng các đương sự đều thống nhất về giá trị và tài sản do tạo dựng chung trong thời kỳ hôn nhân chưa chia. Nay nguyên đơn yêu cầu phân chia tài sản chung và có nguyện vọng được sở hữu tài sản để tiếp tục nuôi cháu Huỳnh Nguyễn Trung N và thối lại giá trị tài sản chung cho bị đơn là phù hợp với nguyện vọng của bị đơn và phù hợp với các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ chấp nhận thối 200.000.000 đồng cho bị đơn là ảnh hưởng đến quyền và lợi hợp pháp của bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo các Điều 33, 38 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của nguyên đơn, giao nhà ở gắn liền quyền sử dụng đất ở cho nguyên đơn được sở hữu đồng thời có trách nhiệm thối lại một phần hai giá trị tài sản gồm nhà và đất ở cho bị đơn là 357.581.000 đồng.

[3] Về chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn, bị đơn mỗi người phải chịu 1.500.000 đồng chi phí định giá tài sản theo Khoản 2 Điều 165, khoản 1 Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã nộp đủ, do đó bị đơn có trách nhiệm hoàn lại cho nguyên đơn 1.500.000 đồng.

[4] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn mỗi người phải chịu án 17.879.050 đồng án phí dân sự sơ thẩm về tài sản chung được chia theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 33, 38 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Khoản 2 Điều 165, khoản 1 Điều 166, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn của nguyên đơn.

Giao 01 ngôi nhà cấp 4, nền lát gạch camen, mái ngói và các công trình phụ khác gắn liền với đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD: 196122 ngày 06/4/2006 của UBND huyện H, tại thửa đất số 833 (7), tờ bản đồ 13-D, diện tích 150m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên có vị trí Đông giáp đất hộ Lê Thị Xuân Q, Tây giáp đất hộ Huỳnh Ngọc L, Bắc giáp đường quốc lộ 29, Nam giáp ruộng lúa cho nguyên đơn được trọn

quyền sở hữu nhà ở gắn liền quyền sử dụng đất. Nguyên đơn có nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn, điều chỉnh quyền sở hữu nhà ở gắn liền quyền sử dụng đất ở.

Nguyên đơn có trách nhiệm thối một nửa giá trị tài sản gồm nhà và đất cho bị đơn với số tiền là 357.581.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn mỗi người phải chịu 1.500.000 đồng chi phí định giá tài sản, nguyên đơn đã nộp đủ, do đó bị đơn có trách nhiệm nộp trả lại cho nguyên đơn 1.500.000 đồng.

3. Về án phí: Nguyên đơn Huỳnh C, bị đơn Nguyễn Thị Đ mỗi người phải chịu 17.879.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về tài sản chung được chia. Nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2015/0005546 ngày 05/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, còn phải tiếp tục nộp 17.579.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đặng Đức